TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 - THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 27 - 01 - 2026
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Văn Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Quách Văn Toản

Ông Phạm Thanh Hùng

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Trương Thị Khánh Ly - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 10 - Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Thanh Hoá tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Lanh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 10 - Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 162/2025/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2025 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Lê Thị Thu G; sinh năm: 1993; CCCD số: 038193013330; Hộ khẩu thường trú trước khi xuất cảnh: Thôn N, xã N, tỉnh Thanh Hoá; chỗ ở hiện nay: 376-0027, số 6 - 15 Motoju Kucho, thành phố Kiryu, tỉnh Gunma, Nhật Bản.

Người đại diện theo uỷ quyền nhận văn bản tố tụng của nguyên đơn: Chị Lê Hồng N; sinh năm: 1997; địa chỉ: Thôn N, xã N, tỉnh Thanh Hoá (Văn bản uỷ quyền ngày 25/11/2025).

- *Bị đơn*: Anh Lê Văn N; sinh năm: 1991; CCCD số: 038091054527; Hộ khẩu thường trú: Thôn B, xã N, tỉnh Thanh Hoá; chỗ ở hiện nay: Thôn B, xã N, tỉnh Thanh Hoá.

Tại phiên toà vắng mặt chị G, anh N. Chị G, anh N đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 25/11/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Lê Thị Thu G trình bày: Chị và anh Lê Văn N kết hôn tự

nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi và về chung sống từ năm 2012, nhưng đến ngày 23/01/2014 vợ chồng mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã P, huyện N, tỉnh Thanh Hóa (nay là xã N, tỉnh Thanh Hóa). Sau ngày cưới, cuộc sống vợ chồng hoà thuận đến đầu năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh N thường xuyên uống rượu và đánh đập chị. Hai bên gia đình đã hoà giải nhưng không có kết quả. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 06/2018 cho đến nay, không ai quan tâm tới ai. Năm 2021, do kinh tế khó khăn nên chị đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên chị yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh N.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Thảo N1, sinh ngày 26/3/2013. Từ khi vợ chồng sống ly thân đến tháng 11/2025, cháu N1 ở với anh N, chị G hằng tháng vẫn gửi tiền về cho anh N nuôi con. Nếu ly hôn, chị giao cháu N1 cho anh N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị cấp dưỡng nuôi con chung hằng tháng là 2.000.000đ (Hai triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng từ tháng 12/2025 cho đến khi cháu N1 thành niên.

Về tài sản: Chị G không yêu cầu Toà án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Lê Văn N trình bày: Về ngày kết hôn, nơi đăng ký kết hôn đúng như nguyên đơn trình bày. Sau ngày cưới, cuộc sống vợ chồng hoà thuận đến năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm. Hai bên gia đình đã hoà giải nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay, không ai quan tâm tới ai. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh đồng ý ly hôn với chị G.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Thảo N1, sinh ngày 26/3/2013. Từ khi vợ chồng sống ly thân đến tháng 11/2025, cháu N1 ở với anh N, chị G hằng tháng vẫn gửi tiền về cho anh N nuôi con. Nếu ly hôn, anh có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu N1. Yêu cầu chị G cấp dưỡng nuôi con chung hằng tháng là 2.000.000đ (Hai triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng từ tháng 12/2025 cho đến khi cháu N1 thành niên.

Về tài sản: Anh N không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025 (sau đây viết tắt là BLTTDS); chị G, anh N không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật. Đề nghị HĐXX xét xử vắng mặt cả hai bên đương sự theo quy định của BLTTDS. Về giao nhận, tống đạt văn bản tố tụng Toà án đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho chị Lê Thị Thu G được ly hôn anh Lê Văn N. Giao cháu Lê Thảo N1, sinh ngày 26/3/2013 cho anh N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị G cấp dưỡng nuôi con chung hằng tháng là 2.000.000đ (Hai triệu đồng). Thời

gian cấp dưỡng từ tháng 12/2025 cho đến khi cháu N1 thành niên. Chị G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn và cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Lê Thị Thu G có hộ khẩu thường trú trước khi xuất cảnh: Thôn N, xã N, tỉnh Thanh Hoá; chỗ ở hiện nay: 376-0027, số 6 - 15 Motoju Kucho, thành phố Kiryu, tỉnh Gunma, Nhật Bản và theo kết quả tra cứu của Phòng Quản lý Xuất nhập cảnh – Công an tỉnh Thanh Hóa, chị G đã xuất cảnh từ 29/11/2025 khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Lê Văn N, nơi cư trú tại Thôn B, xã N, tỉnh Thanh Hoá nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 10 - Thanh Hoá theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 469 BLTTDS.

Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho các bên đương sự nhưng chị G, anh N không có mặt nên Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho chị G, anh N theo quy định tại khoản 3 điều 210 BLTTDS.

Chị G đề nghị không tiến hành hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 4 điều 207 BLTTDS.

Chị Lê Thị Thu G và anh Lê Văn N đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ quy định tại khoản 1 điều 227, khoản 1 điều 228 BLTTDS, Toà án xét xử vắng mặt chị G, anh N.

[2] Về hôn nhân: Chị Lê Thị Thu G và anh Lê Văn N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 23/01/2014 tại Uỷ ban nhân dân xã N, tỉnh Thanh Hoá và không vi phạm các điều cấm của Luật Hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm. Vợ chồng đã sống ly thân, không ai quan tâm tới ai. Chị G và anh N đều có nguyện vọng muốn được ly hôn. Điều đó chứng tỏ chị G, anh N đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị G được ly hôn anh N.

[3] Về con chung: Chị G và anh N có 01 con chung. Chị G và anh N đã tự nguyện thống nhất về việc giao người trực tiếp nuôi con. Xét thấy, hiện tại cháu N1 đang ở với anh N. Cháu có nguyện vọng muốn được ở với bố khi bố mẹ ly hôn. Để không bị xáo trộn cuộc sống và đảm bảo sự phát triển ổn định về mọi mặt cho cháu, cũng như theo nguyện vọng của cháu. Chấp nhận yêu cầu của chị G và anh N: giao cháu N1 cho anh N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh N đồng ý với mức đề nghị và thời gian cấp dưỡng của chị G. Buộc chị G phải cấp dưỡng nuôi con chung hằng tháng là 2.000.000đ (Hai triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng từ tháng 12/2025 cho đến khi cháu N1 thành niên.

[4] Về tài sản: Chị G, anh N không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn và cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83; 107; 110 Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 28; 35; 39; 147; 227; 228; 238; 271; 273; 469; 479; 482 BLTTDS; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị Thu G được ly hôn anh Lê Văn N.

2. Về con chung: Chị Lê Thị Thu G và anh Lê Văn N có 01 con chung là cháu Lê Thảo N1, sinh ngày 26/3/2013. Giao cháu N1 cho anh N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị G cấp dưỡng nuôi con chung hằng tháng là 2.000.000đ (Hai triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng từ tháng 12/2025 cho đến khi cháu N1 thành niên.

Chị G có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Chị G, anh N không yêu cầu nên Toà án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lê Thị Thu G phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con chung, nhưng được trừ vào số tiền chị đã nộp tạm ứng tại Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hoá, theo biên lai số 0003451 ngày 26/11/2025. Chị G còn phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Án xử công khai sơ thẩm. Chị G có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật. Anh N có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Khoản tiền cấp dưỡng nuôi con được thi hành ngay, mặc dù bản án có thể bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế

thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- UBND xã Nguyệt Ấn;
- THADS cấp tỉnh;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Lưu HSVA; Văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Thịnh